Dạng 2: Tính đạo hàm của hàm số trên một khoảng

Câu 1: **(Mức độ: 1)** Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = x^2 - 3x + 1$

A. $y' = 2x - 3$. **B.** $y' = 2 - 3x$. **C.** $y' = x^2 - 3x + 1$. **D.** $y' = x - 3$.

Câu 2: **(Mức độ: 1)** Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = x^3 - 2x$

A. $y' = 2x - 3$. **B.** $y' = 3x^2 - 2x$. **C.** $y' = 3x^2 - 2$. **D.** $y' = 3x - 2$.

Câu 3: **(Mức độ: 1)** Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = 4x + 3$

A. $y' = 4x$. **B.** $y' = 4$. **C.** $y' = -4x$. **D.** $y' = 3x - 2$.

Câu 4: **(Mức độ: 2)** Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = \dfrac{1}{2x-3}$

A. $y' = -\dfrac{2}{(2x-3)^2}$. **B.** $y' = -\dfrac{2}{(2x-3)^2}$. **C.** $y' = \dfrac{1}{(2x-3)^2}$. **D.** $y' = 3x - 2$.

Câu 5: **(Mức độ: 2)** Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = \dfrac{2x-1}{x+1}$

A. $y' = -\dfrac{2}{(x+1)^2}$. **B.** $y' = \dfrac{1}{(x+1)^2}$. **C.** $y' = \dfrac{3}{(x+1)^2}$. **D.** $y' = -\dfrac{3}{(x+1)^2}$.

Câu 6: **(Mức độ: 2)** Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = \sqrt[3]{x^2+2}$

A. $y' = \dfrac{2-x}{3\sqrt[3]{x^2+2}}$. **B.** $y' = \dfrac{x}{3\sqrt[3]{x^2+2}}$. **C.** $y' = \dfrac{2x}{3\sqrt[3]{x^2+2}}$. **D.** $y' = \dfrac{2x}{3\sqrt[3]{x^2+2}}$.

Câu 7: **(Mức độ: 3)** Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = \sin 2x - 1$

A. $-\cos 2x$. **B.** $-2\sin 2x$. **C.** $2\cos 2x$. **D.** $\dfrac{1}{2}\sin 2x$.

Câu 8: **(Mức độ: 3)** Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = 2 + \cos 3x$

A. $-3\sin 3x$. **B.** $-2\sin 2x$. **C.** $3\sin 3x$. **D.** $\cos 3x$.

Câu 9: **(Mức độ: 3)** Đạo hàm của hàm số $f(x) = \cos 2x$:

A. $-\cos 2x$. **B.** $-2\sin 2x$. **C.** $2\sin 2x$. **D.** $\dfrac{1}{2}\sin 2x$.

LIVEWORKSHEETS